

Số: 36 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án: Bổ sung các điểm quan trắc môi trường trong các khu kinh tế vào mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BTNMT ngày 04/10/2010 của Bộ Tài nguyên Môi trường về việc quy định định mức sử dụng diện tích nhà xưởng, thiết bị và biên chế cho Trạm quan trắc môi trường; Thông tư số 21/2012/TT-BTNMT ngày 19/12/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc môi trường;

Căn cứ các Thông tư số 28, 29, 30, 31/2011/TT-BTNMT ngày 01/8/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình kỹ thuật quan trắc không khí xung quanh và tiếng ồn, nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước biển, đất;

Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 10/3/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành bộ đơn giá quan trắc phân tích môi trường trên địa bàn Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 26/10/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mạng lưới quan trắc môi trường; Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Điều chỉnh, bổ sung mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2015”; Văn bản số 4348/UBND-NL₁ ngày 18/11/2013 của UBND tỉnh về việc bổ sung các điểm quan trắc tại các khu kinh tế vào mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3464/CV/TNMT-CCMT ngày 26/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Bổ sung các điểm quan trắc môi trường trong các Khu kinh tế Vũng Áng, Cầu Treo vào mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015” với những nội dung chính như sau:

1. Tên đề án: Bổ sung các điểm quan trắc môi trường trong các khu kinh tế vào mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015.

2. Cơ quan chủ quản: Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Cơ quan thực hiện đề án: Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường Hà Tĩnh.

4. Mục tiêu đề án: Hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh chi tiết đầy đủ, đảm bảo cung cấp thông tin, số liệu thường xuyên về hiện trạng và theo dõi diễn biến chất lượng môi trường theo không gian, thời gian, phục vụ có hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo, phòng, tránh, xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại các khu kinh tế nói riêng và toàn tỉnh.

5. Nội dung đề án:

a, Các thành phần môi trường, điểm quan trắc môi trường bổ sung trong khu vực các Khu kinh tế Vũng Áng và Cầu Treo:

- Môi trường không khí xung quanh 30 điểm, 08 thông số quan trắc và phân tích/điểm (nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, độ ồn, TSP, SO₂, NO₂, CO), tần suất quan trắc 4 lần/năm;

- Môi trường nước mặt 25 điểm, 19 thông số quan trắc và phân tích/điểm (pH, DO, Photphat (PO₄³⁻), Clorua (Cl⁻), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Nitrat (NO₃⁻)(tính theo N), Amoni (NH₄⁺)(tính theo N), Sắt (Fe), Tổng dầu mỡ, Coliform, Đồng (Cu), Chì (Pb), Cadimi (Cd), Florua (F⁻), Asen (As), Kẽm (Zn), Thủy ngân (Hg)), tần suất quan trắc 4 lần/năm;

- Môi trường nước ngầm 20 điểm, 19 thông số quan trắc và phân tích/điểm (pH, độ cứng, chất rắn tổng số, COD (KMnO₄), Amoni (NH₄⁺), Clorua (Cl⁻), Florua (F⁻), Nitrit (NO₂⁻), Nitrat (NO₃⁻), Sunfat (SO₄²⁻), Xianua (CN⁻), Asen (As), Chì (Pb), Cadimi (Cd), Crom VI (Cr^{VI}), Kẽm (Zn), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Coliform), tần suất quan trắc 4 lần/năm;

- Chất lượng nước thải 06 điểm, 20 thông số quan trắc và phân tích/điểm (nhiệt độ, pH, BOD₅ (20°C), COD, TSS, Tổng Nitơ, Clorua, Dầu mỡ khoáng, Tổng coliform, Xianua, Tổng Photpho, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom IV (Cr^{IV}), Đồng, Kẽm, Mangan, Sắt), tần suất quan trắc 4 lần/năm;

- Môi trường nước biển ven bờ 04 điểm, 19 thông số quan trắc và phân tích/điểm (nhiệt độ, pH, độ muối, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), oxy hòa tan (DO), Amoni (NH₄⁺) (tính theo N), Florua (F⁻), Xianua (CN⁻), Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Crom VI (Cr^{VI}), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Thủy ngân (Hg), Dầu mỡ khoáng, Coliform), tần suất quan trắc 4 lần/năm;

- Phóng xạ trong không khí 05 điểm, 03 thông số quan trắc/điểm (tổng hoạt độ phóng xạ Alpha; tổng hoạt độ phóng xạ Beta, suất liều lượng bức xạ gamma), tần suất quan trắc 4 lần/năm.

b, Vị trí các điểm quan trắc bổ sung (như Phụ lục kèm theo Quyết định này).

6. Địa điểm triển khai: Trong khu vực Khu kinh tế Vũng Áng và Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo.

7. Nguồn kinh phí: Sử dụng từ nguồn ngân sách sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm.

8. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ năm 2014.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh; Giám đốc Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường Hà Tĩnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP.UB;
- Lưu: VT, VX, GT, NL₁
- Gửi: Bản giấy và điện tử.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

PHỤ LỤC VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC
THUỘC ĐỀ ÁN: “BỘ SUNG CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC TRONG CÁC KHU KINH TẾ VÀO MẠNG LƯỚI QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN NĂM 2015”

(ban hành kèm theo Quyết định số 36 /QĐ-UBND ngày 06 / 01/ 2014 của UBND tỉnh)

Khu vực	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (VN 2000)	
			X	Y
L. Vị trí các điểm quan trắc môi trường không khí				
Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo	K41	Công kiểm soát giữa Khu kinh tế và Nội địa - cổng B	X=2046456	Y=0484333
	K42	Ngã ba giao Quốc lộ 8 và đường Lĩnh - Hồng	X=2045027	Y=0482206
	K43	Sân vận động trước UBND xã Sơn Kim 2	X=2038974	Y=0478735
	K44	Khu vực xây dựng Khu công nghiệp Hà Tân, xã Sơn Tây	X=2045561	Y=0483575
	K45	Khu vực xây dựng Khu công nghiệp Đại Kim, xã Sơn Kim 1	X=2040519	Y=0474963
	K46	Khu vực xây dựng Khu công nghiệp Đá Mõng, xã Sơn Kim 2	X=2039120	Y=0474920
	K47	Khu chăn nuôi tập trung xóm 6, Khe Trù, xã Sơn Kim 1	X=2041220	Y=0471712
Khu kinh tế Vũng Áng	K48	Trước cổng di tích đền thờ Nguyễn Thị Bích Châu	X=2003109	Y=0589737
	K49	Khu dân cư Tây Yên gần giáo xứ Dũ Yên	X=1998668	Y=0592780
	K50	Khu vực hậu cảng (làng Hải Phong, xã Kỳ Lợi)	X=2001902	Y=0594788
	K51	Ngã 3 giao đường xuống cảng Vũng Áng và đường trục ngang (đường vào xã Kỳ Lợi)	X=2000514	Y=0596665
	K52	Cổng trường tiểu học Kỳ Phương cũ	X=1992703	Y=0599258
	K53	Quốc lộ 1A giao với đường vào cổng chính Công ty Formosa	X=1993645	Y=0595828
	K54	Khu tái định cư xã Kỳ Phương (Trung tâm hành chính xã)	X=1990985	Y=0599539
	K55	Khu tái định cư xã Kỳ Long (Trung tâm hành chính xã)	X=1994396	Y=0593751

Khu vực	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (VN 2000)	
			X	Y
	K56	Khu tái định cư xã Kỳ Thịnh (cổng UBND xã)	X=1994366	Y=0592437
Khu kinh tế Vũng Áng	K57	Gần Nhà máy chế biến sắn của Tổng công ty KSTM Mitraco	X=1993319	Y=0589903
	K58	Khu tái định cư xã Kỳ Lợi tại xã Kỳ Trinh	X=1996146	Y=0586084
	K59	Ngã 3 giao đường vành đai phía Tây và đường vào mỏ đá Lạc An	X=1992570	Y=0595390
	K60	Ngã 3 giao QL 1A và đường bao phía Tây, thôn Ba Đồng, xã Kỳ Phương	X=1990868	Y=0601933
	K61	Đường bao phía Tây tại điểm giao với đường nối quốc lộ 1A (gần khu đô thị Phú Vinh, xã Kỳ Liên)	X=1993755	Y=0593360
	K62	Tại ngã 3 đường giữa Tổng kho khí hoá lỏng và cầu cảng xuất nhập xăng dầu	X=2003526	Y=0596130
	K63	Gần di tích Hoành Sơn Quan, xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh	X=1985631	Y=0602316
	K64	Điểm giao giữa đường bao phía Tây và đường xuống cảng Vũng Áng kéo dài	X=1996595	Y=0596507
	K65	Xã Kỳ Ninh (cổng UBND xã)	X=2004871	Y=0587526
	K66	Xã Kỳ Hà (cổng UBND xã)	X=2001365	Y=0587788
	K67	Ngã 3 đường đi Kỳ Trinh - Kỳ Ninh và đường xuống cảng Vũng Áng	X=1997913	Y=0591028
	K68	Khu tái định cư thôn Ba Đồng	X=1991787	Y=0601215
	K29	Đường trục dọc phía trước công trạm điện 110KV, xã Kỳ Thịnh	X=1997775	Y=0592059
	K30	Cổng vào khu CN Vũng Áng 1	X=1997350	Y=0590813

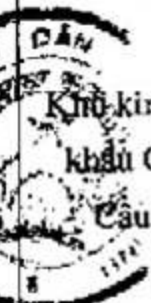
II. Vị trí các điểm quan trắc môi trường nước mặt

	M47	Suối Rào Mác tại cầu Rào Mác, xã Sơn Kim 1	X=2039424	Y=0472318
Khu kinh tế cửa	M48	Suối Rào Qua đoạn chảy qua khối 8 khu vực thị trấn Tây Sơn	X=2040942	Y=0478545

Khu vực	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (VN 2000)	
			X	Y
khẩu Quốc tế Cầu Treo	M49	Sông Ngân Phố tại điểm cầu tràn đường từ UBND xã Sơn Kim 1 sang xã Sơn Kim 2	X=2039500	Y=0474619
	M50	Sông Ngân Phố đoạn qua Khu đô thị Nam thị trấn Tây Sơn	X=2041376	Y=0479889
	M51	Sông Ngân Phố đoạn chảy qua gần cống B cửa khẩu	X=2046411	Y=0484813
	M52	Hồ Khe Rông, xã Sơn Kim 2	X=2039168	Y=0480506
	M53	Hồ Vây, xã Sơn Tây	X=2043023	Y=0480527
Khu kinh tế Vũng Áng	M54	Sông Vĩnh, tại cầu giao giữa Kỳ Hải và Kỳ Ninh	X=2002816	Y=0586688
	M55	Sông Rào Trủ chảy qua xóm Lạc Tiến, xã Kỳ Lạc (tại đập dâng Lạc Tiến)	X=1988040	Y=0574299
	M56	Cống xả chính hồ Mục Hương, xã Kỳ Trinh	X=1998792	Y=0588532
	M57	Sông nước mặn, tại cầu Cổ Ngựa, xã Kỳ Trinh	X=1996458	Y=0587535
	M58	Tại cầu Hòa Lộc, xã Kỳ Trinh	X=1998900	Y=0588824
	M59	Khe Lau tại cầu Khe Lau, xã Kỳ Liên (quốc lộ 1A)	X=1993750	Y=0595477
	M60	Khe Đá Hát tại cầu Khe Đá Hát, xã Kỳ Long (quốc lộ 1A)	X=1994870	Y=0594443
	M61	Khe Luỹ tại cầu Khe Luỹ, xã Kỳ Phương (quốc lộ 1A)	X=1991840	Y=0600984
	M62	Khe Thầu Dầu tại cầu Thầu Dầu, xã Kỳ Phương (quốc lộ 1A)	X=1992411	Y=0599811
M63	Khe Thanh Trạng tại cầu Thanh Trạng, xã Kỳ Liên (quốc lộ 1A)	X=1992421	Y=0599773	
Khu kinh tế Vũng Áng	M64	Sông Quyền tại Bara Tây Yên	X=1999849	Y=0591524
	M65	Khe Bò, xã Kỳ Nam (đoạn chảy phía hạ lưu so với điểm xả của khu vực nuôi trồng thủy sản Việt Anb)	X=1986849	Y=0604972

Khu vực	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (VN 2000)	
			X	Y
	M66	Sông Quyển đoạn chảy qua cảng cá Kỳ Hà	X=2000691	Y=0588726
	M67	Khe Lau tại cầu Khe Lau, xã Kỳ Liên (phía trên đường bao phía Tây)	X=1992610	Y=0595103
	M68	Khe Đá Hát tại cầu Khe Đá Hát, xã Kỳ Long (phía trên đường bao phía Tây)	X=1993234	Y=0593630
	M69	Khe Luỹ tại cầu Khe Luỹ, xã Kỳ Phương (phía trên đường bao phía Tây)	X=1991061	Y=0600421
	M70	Khe Thầu Dầu tại cầu Thầu Dầu, xã Kỳ Phương (phía trên đường bao phía Tây)	X=1991328	Y=0599727
	M71	Khe Thanh Trạng tại cầu Thanh Trạng, xã Kỳ Liên (phía trên đường bao phía Tây)	X=1991591	Y=0598206

III. Vị trí các điểm quan trắc môi trường nước ngầm

 Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo	N37	Nhà làm việc liên ngành công B, xã Sơn Tây	X=2046757	Y=0484571
	N38	Giếng khoan của hộ dân gần KCN Đại Kim.	X=2037279	Y=0470376
	N39	Giếng khoan của hộ dân thôn Quyết Thắng, xã Sơn Kim 2 (gần KCN Đá Mông)	X=2039078	Y=0474911
	N40	Giếng khoan của hộ dân gần KCN Hà Tân.	X=2045432	Y=0483638
	N42	Trạm y tế xã Sơn Kim 2	X=2038859	Y=0478646
	N43	Khu tái định cư xã Kỳ Phương	X=1990985	Y=0599539
Khu kinh tế Vũng Áng	N44	Khu tái định cư xã Kỳ Long	X=1993755	Y=0593360
	N45	Gần đập tràn hồ Tàu Voi, xã Kỳ Thịnh	X=1990277	Y=0602482
	N46	Hộ dân xóm Long Sơn, xã Kỳ Long gần kênh thoát lũ	X=1994910	Y=0594521
	N47	Khu vực hậu cảng (làng Hải Phong, xã Kỳ Lợi)	X=2001999	Y=0594726
	N48	Khu tái định cư xã Kỳ Lợi tại xã Kỳ Trinh	X=1996146	Y=0586084

Khu vực	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (VN 2000)	
			X	Y
	N49	Khu CN 1 Vũng Áng, Nhà máy thủy sản Nam Hà Tĩnh	X=1990985	Y=0599539
	N50	Trạm y tế xã Kỳ Nam	X=1987836	Y=0602596
	N51	Trạm y tế xã Kỳ Trinh	X=1997366	Y=0587624
	N52	Hộ dân thôn Thắng Lợi, xã Kỳ Phương	X=1992116	Y=0600570
	N53	Vùng nuôi trồng thủy sản xã Kỳ Trinh	X=1999455	Y=0589683
	N54	Trạm y tế xã Kỳ Ninh	X=2004860	Y=0587571
	N55	Trạm y tế xã Kỳ Hà	X=2001350	Y=0587837
	N56	Hộ dân làng Hải Thanh, Kỳ Lợi	X=1998657	Y=0598009

IV. Vị trí các điểm quan trắc môi trường nước biển ven bờ

Khu kinh tế Vũng Áng	B01	Cách lạch Bò 100m về phía Đông Bắc, xã Kỳ Nam	X=1988580	Y=604060
	B02	Tại cầu cảng xuất nhập than của nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1	X=2002364	Y=593401
	B03	Tại điểm gần cầu cảng xuất nhập xăng dầu	X=2003069	Y=596151
	B04	Biển Vũng Môn (phía Bắc cảng Sơn Dương)	X=1999898	Y=598863

V. Vị trí các điểm quan trắc nước thải

	T18	Nước thải khu chăn nuôi tập trung Khe Trù – Rào Mắc, xã Sơn Kim 1	X=2041274	Y=0471837
Khu kinh tế Vũng Áng	T19	Cống xả nước thải công ty Formosa	X=1992115	Y=0598254
	T20	Khu công nghiệp Phú Vinh	X=1991855	Y=0595194
	T21	Khu chế biến súc sản của Tổng công ty KSTM Mitraco	X=1993243	Y=0589995

Khu vực	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (VN 2000)	
			X	Y
	T22	Khu công nghiệp Hoành Sơn	X=1992870	Y=0599461
VI. Vị trí các điểm quan trắc phóng xạ				
	PX15	Cổng A, Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo	X=2033270	Y=0463970
Khu kinh tế Vũng Áng	PX16	Điểm giao quốc lộ 1A và đường vào Formosa	X=1992865	Y=0565896
	PX17	Đồi Yên Ngựa, đường vào Nhiệt điện Vũng Áng 1	X=2000537	Y=0592859
	PX18	Cầu cảng Sơn Dương, Công ty Formosa	X=1998875	Y=0598760
	PX19	Gần mỏ đá Sùm Ao, thôn Liên Sơn, xã Kỳ Liên	X=1990839	Y=0596031

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

[Signature]